SỞ Y TẾ CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU
Số: 115/TB-VTYT
Về việc mời chào giá vật tư, dụng cụ dùng trong can thiệp mạch vành và nội thần kinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 8 tháng 7 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hoá của Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Trần Thế Duy phó phòng VTYT SĐT: 0901092186.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

-Nhận trực tiếp tại địa chỉ: phòng VTYT, Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

-Nhận qua email: vattuytecamau@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 09 tháng 7 năm 2024 đến trước 17h ngày 18 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế, vật tư y tế yêu cầu báo giá: đính kèm file Nhà thầu vui lòng cung cấp báo giá theo Mẫu báo giá gửi kèm.
2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản trang thiết bị y tế.

- Hàng hoá phải được giao tận nơi đến kho của phòng VT-TBYT Bệnh viện đa khoa Cà Mau. Địa chỉ: Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau,

Tỉnh Cà Mau.

- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển, bảo quản hàng hoá, đảm bảo giao hàng đúng địa điểm nêu trên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày kể ngày nhận được dự trù của Bệnh viện

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

5. Các thông tin khác (nếu có).

CHỦ ĐẦU TƯ

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU

Tô Minh Nghị

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 115/TB-TBYT ngày 8 tháng 7 năm 2024 của giám đốc Bệnh viện đa khoa Cà Mau)

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
1	VTTH-100	Vít cột sống đa trục	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm	Cái	50
2	VTTH-101	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	-Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài 500mm, trong đó 494mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay	Cái	20
3	VTTH-102	Nẹp nối ngang cố định cột sống	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5.5mm - Chiều dài từ khoảng 10mm - 75mm (0.375 inch - 2.95 inch). - Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5.5mm. - Màu sắc: màu xanh da trời, ốc khóa trong màu vàng	Cái	5
4	VTTH-103	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	- Vật liệu: PEEK - Đầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cản quang: 4 điểm - Chiều dài: 25, 30mm - Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm - Chiều rộng trước /sau : 10mm - Độ ưỡn: 6 độ - Diện tích bề mặt 133mm2 với chiều dài 25mm, 156mm2 với chiều dài 30mm - Khoang ghép xương từ: 0.3 - 1.17 cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gắn thẳng 0 độ hoặc gắn nghiêng 15 độ - Cách nhận biết khi đặt đĩa đệm hoàn chỉnh là: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ cho hình ảnh X quang(Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song)	Cái	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
5	VTTH-104	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vặn đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Cái	100
6	VTTH-105	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	- Vật liệu: hợp kim Titanium với mũ vít bằng hợp kim Cobalt Chrome, vòng vương miện bằng Titanium - Vít có hai vùng ren: vùng ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và vùng ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. - Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít - Có 6 lỗ phía đầu vít cho phép xi măng có thể trực tiếp đi qua thân và các lỗ vít giúp cố định tức thời với những trường hợp có chất lượng xương kém - Tổng chiều cao mũ vít: 17.04mm - Đường kính vít từ 4.5-9.5mm với bước tăng 1mm - Chiều dài từ 30-55mm - Đồng bộ với ốc khoá trong tự gãy có tổng chiều cao 13.5mm và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Cái	10
7	VTTH-106	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate, Methyl methacrylate-Styrence-copolymer, Benzonyl peroxide và chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer), N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cản quang, thời gian làm việc trung khoảng 8 phút ở 22 độ C	Gói	20
8	VTTH-107	Nẹp cổ trước 1 tầng	-Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 19mm đến khoảng 30mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2mm hoặc 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Cho phép bắt với vít đơn hướng có góc nghiêng 12 độ và vít đa hướng có góc nghiêng 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm	Cái	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
9	VTTH-108	Nẹp cổ trước 2 tầng	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ khoảng 32.5mm đến 50mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm	Cái	10
10	VTTH-109	Vít cột sống cổ đa hướng tự khoan	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít đa hướng tự khoan - Đường kính 4.0 mm, 4.5mm - Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 1mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 4.0mm - Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài. - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước kèm khóa mũ vít 90 độ	Cái	100
11	VTTH-110	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	- Vật liệu: PEEK OPTIMA - Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể - Hai bề mặt có răng - Số điểm đánh dấu cản quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng: 11mm, 14mm - Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8mm - Chiều sâu: 11mm - Độ ưỡn: 4 độ - Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng.	Cái	20
12	VTTH-111	Kim chọc dò cuống sống	Kim chọc dò cuống sống: Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế, gồm: kim mũi kim cương và trocar, kích cỡ 11 Gauge, trọng lượng: 22.9g	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
13	VTTH-112	Bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn Med V+	- Vật liệu: nhựa y tế cao cấp (có những thành phần bằng thép không gỉ) - Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận : + 01 bộ trộn được trang bị lưỡi dao trộn với vòng xoay ngoại luân, có cửa sổ mở phía bên để lắp xylanh + 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn + 01 pittong đẩy xi măng vào xylanh + 01 xylanh chứa xi măng được kết nối với bộ trộn + 01 tay cầm được sử dụng với xylanh + 01 ống nối kéo dài tránh tiếp xúc trực tiếp với tia X - Hệ thống bơm được trang bị van an toàn, được kích hoạt khi áp lực bên trong xylanh quá cao hoặc khi bơm đẩy đi quá nhanh. - Bộ bơm đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120 bars) - Dung tích bơm tối đa hơn 10cc	Bộ	5
14	VTTH-113	Xương nhân tạo	- Thành phần hoá học: 15% Hydroxyapatite và 85% beta-Tricalcium Phosphate. - Cấu trúc vật lý: Cấu tạo xốp 3 chiều đồng nhất, thành phần hóa học gần giống xương cơ thể người - Kích thước hạt: 1.6mm - 3.2mm. - Độ xốp của hạt: 80%. với kích thước trung bình khoang trống là 500 micron và đường kính lỗ liên kết giữa các khoang trống là 125 micron. - Dung tích 10cc. - Tương thích sinh học tốt với cơ thể - Hình thành xương mới trong vòng 6 tháng	Cái	5
15	TBYT-01	Bộ máy tạo nhịp 01 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân. - Chuẩn kết nối IS-1. - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc	Bộ	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
16	TBYT-02	Bộ máy tạo nhịp 02 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Chuẩn kết nối IS-1 - Bảo hành máy 8 năm và bảo hành pin 100% trong 5 năm đầu và 50% giảm dần trong 3 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Bộ tính năng tự động: Ventricular Intrinsic Preference - Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại, AF Suppression - Tạo nhịp kiềm nén rung nhĩ và SenseAbility - Tự động nhận cảm - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc	Bộ	40
17	VTTK-01	Ống thông dẫn đường nòng kép can thiệp mạch não	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng chất liệu PTFE có phủ Hydrophilic đầu mềm, có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ 6F và 5F. Ống thông ngoài dài 95cm trong đó đầu xa dài 7cm, ống thông nòng trong dài 117cm, chiều dài đầu xa 7cm, chiều dài đoạn phủ Hydrophilic là 15cm.	Cái	10
18	VTTK-02	Dây dẫn can thiệp mạch não	Dây dẫn chất liệu công nghệ Nitinol- stainless hypbrid, lớp vỏ là PTFE, đặc biệt đầu gần là PTFE mật độ cao giúp giảm ma sát, phủ Hydrophilic dài 200 cm trong đó chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi là Nitinol. Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches. Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm.	Cái	20
19	VTTK-03	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Vi ống thông lớp trong cùng vật liệu PTFE dạng taper có các vòng xoắn gia cố, lớp ngoài phủ Hydrophilic. Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. Đường kính trong từ 0,017, 0,021 và 0,027 inches, đường kính ngoài đầu gần từ 2.4F, 2.5F, 3,1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7F, 2.0F và 2.6F . Chiều dài sử dụng là 150 cm và 156cm, trơn và linh hoạt. Có hai markers.	Cái	50
20	VTTK-04	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Vi ống thông dùng trong thả coil, bóng chèn, stent hỗ trợ coil, chất gây tắc mạch điều trị AVM, phương pháp kết hợp thả coil và chất gây tắc mạch AVF. Lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic, giảm ma sát giúp tăng khả năng dẫn đường trong các đoạn mạch xoắn vặn. Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cản quang), loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cản quang, đầu thuôn nhọn)	Cái	50
21	VTTK-05	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch - coils	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platium với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,...Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm.	Cái	10
22	VTTK-06	Kìm cắt vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Chỉ cần 1 người vận hành, chỉ cần ấn duy nhất 1 nút trong vòng 0.75 giây để cắt 1 vòng xoắn.. Thông qua đèn báo và tín hiệu chuông phát ra thông tin ngay lập tức cho biết kìm đã sẵn sàng cắt vòng xoắn	Cái	5

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
23	VTTK-07	Stent hỗ trợ nút phình túi mạch não	(Stent) Dụng cụ giá đỡ mạch não dùng cho túi phình cổ rộng để hỗ trợ coil, chất liệu thép không gỉ, 12 sợi bện vào nhau với các mắt lưới kích thước 1.5mm. Có 6 điểm cản quang ở 2 đầu dụng cụ và 3 sợi cản quang suốt chiều dài thân. Ở trạng thái tự do, stent có đường kính từ 2.5mm đến 3.5mm, chiều dài từ 13 mm đến 33 mm. Chỉ định cho đường kính nòng mạch từ 2.0mm đến 3.5mm.	Cái	1
24	VTTK-08	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Đường kính trong lớn giúp tăng cường lực hút và củng cố độ uyển chuyển khi điều hướng ở đầu xa trên - Đường kính trong 0,07", đường kính ngoài đầu gần 0.0825" - Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài đầu gần là 106cm) hoặc 131 cm (chiều dài đầu xa 19cm và chiều dài đầu gần là 112cm), đầu thẳng. -Lòng ống rộng hơn nên hút được huyết khối lớn hơn	Cái	50
25	VTTK-09	Vòng xoắn kim loại (coil) siêu mềm Optima	Vòng xoắn kim loại siêu mềm(coil) gây bít phình mạch máu. Dòng sản phẩm cao cấp với thiết kế dạng xoắn ốc (Helical) và xoắn phức hợp (Complex), từ tiêu chuẩn (Standard), mềm (Soft) và siêu mềm (Super Soft) giúp coil ổn định hình dạng di chuyển dễ dàng . Điểm tách coil siêu nhanh dưới 01 giây khi kết nối với dụng cụ cắt coil (Xcel) .Hệ thống coil 10 và 18 , đường kính coil 1 , 1.5, 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5 ,6 ,7 ,8 ,9 ,10 ,11 ,12 ,13 ,14 ,15 ,16 ,18, 20, 22 và 24mm, Chiều dài coil 1, 2, 3,4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 17, 20,23, 24, 27, 30, 34, 37, 40, 43, 47, 50, 55, 60 và 65cm.	Cái	40
26	VTTK-10	Dụng cụ cắt coil	Cắt coil siêu nhanh dưới < 01giây, có khả năng cắt 60 coil liên tục. Dễ dàng thao tác , tiết kiệm thời gian làm thủ thuật .	Cái	10
27	VTTK-11	Vòng xoắn kim loại siêu nhỏ theo dòng chảy	Vòng xoắn kim loại dạng lò xo đường kính siêu nhỏ duy nhất 0.007", bơm qua ông thông có đường kính 1.2F/1.5F, sử dụng trong thủ thuật gây tắc dị dạng động tĩnh mạch não .	Cái	20
28	VTTK-12	Vi ống thông siêu nhỏ mềm thông thường	Vi ống thông siêu nhỏ được bện suốt theo chiều dài ống thông. Phủ lớp ái nước Hydrophillic ở đoạn xa và phủ PTFE trong lòng ống làm tăng khả năng điều hướng. Đường kính ngoài đoạn gần từ 2.2F- 4.0F, đoạn xa từ 1.9F-3.8F, có từ 1- 2 markers tăng tính cản quang. Chiều dài vi ống thông 135cm, 155cm. Định dạng với đầu thẳng (D) và đầu cong (MP).	Cái	10
29	VTTK-13	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ Hybrid	Vi dây dẫn can thiệp siêu ái nước có đường kính 007", 008",014" và loại có đoạn xa .014", đoạn gần .012". Đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol giúp định hình tốt chống gãy gập. Dễ dàng tạo hình đầu xa từ phiên bản đầu D.	Cái	200
30	VTTK-14	Khung giá đỡ mạch máu não	Stent điều trị phình mạch cổ rộng kết hợp với vòng xoắn kim loại : stent tự bung, được dệt bằng 16 sợi , kháng lực lên thành mạch cao giúp stent áp sát vào thành mạch và định hình theo mạch máu tốt nhờ vào các sợi nicken và titanium. Cản quang với 2 marker dọc thân.Đường kính từ 2.0 đến 5.5, chiều dài từ 12mm đến 75mm Có thể thu hồi stent khi đã bung 90%.	Cái	2
31	VTTK-15	Vi ống thông siêu nhỏ mềm phức tạp	Vi ống thông siêu nhỏ tự trôi theo dòng chảy của mạch máu, có đường kính nhỏ 1mm dùng trong can thiệp dị dạng mạch máu não. Chất liệu vi ống thông là sự kết hợp giữa hợp kim polyurethan (PUR) và TORVER ở đoạn gần. Đường kính từ 1.2F - 1.8F, tương thích với dây dẫn .008"- .010"	Cái	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
32	VTTK-16	Dụng cụ kéo huyết khối dạng stent	Dụng cụ kéo huyết khối tái thông mạch được thiết kế dạng stent mở đường kính lên đến 6mm. Có 3 marker ở đoạn xa, các marker ở đoạn gần và thân stent giúp cản quang tốt.Kích thước 4mm, 5mm và 6mm . Chiều dài stent đa dạng từ 19mm đến 67mm. Chiều dài làm việc từ 10mm- 50 mm Phù hợp với mạch máu có đường kính 4mm đến 6mm. Tương thích với vi ống thông có đường kính trong .017", .021".	Cái	20
33	VTTK-17	Ống thông mở đường dài , đường kính lớn	Ống thông hỗ trợ can thiệp thần kinh và ngoại biên đường kính 6F được thiết kế bên xoắn ở đầu xa chống gãy gập. Đường kính trong đoạn gần và đoạn xa là 0.88" đầu mềm, phủ hydrophilic 20cm. Chiều dài ống thông đa dạng từ 80cm, 90cm và 100 cm .	Cái	10
34	VTTK-18	Ống thông can thiệp đầu siêu mềm loại lớn	Ống thông can thiệp mạch máu não được thiết kế bên dọc thân ống bằng 8 dây hỗ trợ chống gãy gập. Đường kính ngoài 6F. Đường kính trong 0.058" và 0.070" . Hỗ trợ tốt cho vi ống thông trong điều trị và chẩn đoán. Chiều dài đa dạng 95cm, 105 cm, 115 cm, 125cm, 135 cm.	Cái	50
35	VTTK-19	Ống thông can thiệp đầu siêu mềm loại nhỏ	Ống thông can thiệp mạch máu não được thiết kế bên dọc thân ống bằng 8 dây hỗ trợ chống gãy gập, với đường kính đầu gần 4.2F và đầu xa 3.9F, đoạn đầu mền 2,5cm và 15cm, định hình đầu thẳng / cong	Cái	5
36	VTTK-20	Vi ống thông siêu nhỏ mềm	Vi ống thông siêu nhỏ được thiết kế cho sử dụng trong thủ thuật can thiệp mạch máu thần kinh.Đường kính ngoài đoạn gần và đoạn xa là 2.5F- 2.2F. Đường kính trong là .017", có 4 vùng chuyển tiếp. Cấu tạo bằng 8 dây nitinol,1 dây thép không rỉ, 2 marker vàng ở đầu gần làm tăng khả năng cản quang. Tổng chiều dài của vi ống thông là 160cm, dễ dàng tạo hình đầu vi ống thông từ phiên bản đầu thẳng. Tương thích với DMSO.	Cái	50
37	VTTK-21	Vòng xoắn kim loại- Coil lông	Vòng xoắn kim loại dạng lò xo có sợi bao phủ, đường kính 0.015", gây tắc dò động tĩnh mạch ngoại vi. Đường kính vòng coil từ 2mm-7mm, chiều dài coil từ 2.5cm-6cm. Dùng với dây dẫn 0.014" và vi ống thông có đường kính 2.4F.	Cái	10
38	VTTK-22	Khung giá đỡ mạch máu não có cấu trúc nhỏ cho mạch máu có đường kính <= 1.5mm	Stent chuyển dòng được bện bằng 48 sợi , có cấu trúc nhỏ cho mạch máu có đường kính từ 1.5mm..Áp sát theo thành mạch nhờ các sợi nicken và titanium Cản quang tốt với 4 markers dọc thân stent giúp dễ định hình stent trong lòng mạch.Đa dạng đường kính từ 2.0 đến 5.5, chiều dài từ 15mm đến 40mm.. Đặc biệt có thiết kế hình nón.Có thể thu hồi stent khi đã bung 90%.	Cái	1

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
39	VTTK-25	Giá đỡ (stent) điều trị phình động mạch não tự giãn nở	- Khung giá đỡ nitinol tự giãn nở dùng trong can thiệp bệnh lý phình mạch não. - Chất liệu: Nitinol. - Khung giá đỡ có 3 dấu cản quang Platinum-Iridium mỗi đầu. - Đường kính 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 8.0mm. - Chiều dài 15, 20, 25, 30, 35, 40, 60mm. - Khung giá đỡ tương thích với mạch máu đường kính 1.5-2.5mm, 1.5-3.0mm, 2.5-3.5mm, 2.5-4.0mm, 3.0-4.5mm, 3.5-5.0mm, 4.0-6.0mm, 6.0-7.0mm. - Tương thích với ống thông có đường kính trong 0.0165"- 0.017", 0.021" và 0.027". - Có thể thu hồi sau khi đặt 90% chiều dài. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	2
40	VTTK-26	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ (không phủ thuốc)	- Khung giá đỡ tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0 mm. - Chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. - Khung giá đỡ tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. - Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	20
41	VTTK-27	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	- Khung giá đỡ chất liệu nitinol dùng để lấy huyết khối trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não. - Có hai sợi DFT dọc chiều dài stent và 3 dấu cản quang X-ray ở đầu xa. - Thiết kế lai kết hợp giữa mắt lưới lớn và mắt lưới nhỏ. - Đường kính 2.5mm, 3.5mm, 4.5mm, 6.0mm - Chiều dài 16, 28, 30, 40, 50mm. - Khung giá đỡ tương thích với mạch máu đường kính 1.0-2.0mm, 1.5-3.0mm, 2.0-4.0mm, 3.5-5.5mm. - Tương thích với ống thông 0.0165", 0.021" và 0.027". - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	10
42	VTTK-28	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não	- Bóng nong có ống thông 2 lòng dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017". - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. - Áp lực danh nghĩa 6 atm, áp lực tối đa 14 atm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
43	VTTK-29	Vi ống thông can thiệp mạch máu não đường kính 0.0165"- 0.021".	- Vi ống thông can thiệp mạch não. - Đường kính trong 0.0165", 0.021" - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 1.9F/ 2.3F, 1.9F/2.1F, 2.4F/2.5F và 2.2F/ 2.6F. - Chiều dài khả dụng 155cm, 160cm và 167cm. - Đầu ống thẳng có thể định hình, số dấu cản quang ở đầu ống là 2. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	50
44	VTTK-30	Vi ống thông can thiệp mạch máu não Đường kính 0.027"	- Vi ống thông can thiệp mạch não. - Đường kính trong 0.027", 0.039". - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 3.0F/ 3.1F và 4.0F/ 4.1F. - Chiều dài khả dụng 125cm, 135cm, 145cm, 155cm. - Đầu ống thẳng có thể định hình, số dấu cản quang ở đầu ống là 1. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	20
45	VTTK-31	Bóng nong mạch ngoại biên 22 atm, hệ thống lai , 0.014"	Hệ thống ống thông lai kép giữa RX và OTW nhằm tăng cường lực đẩy cho tổn thương ở đoạn xa. Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax Công nghệ Z-Tip, chiều dài đầu tip từ 3 - 5 mm. Lớp phủ ái nước (đầu tip và trục xa), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống và bóng) Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.039 inch (Ø3 mm), Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 18-22 atm. Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. Chiều dài ống: 150 cm.	Cái	30
46	VTTK-32	Dây dẫn can thiệp mạch não 0.010inch, 0.014inch & 0.018inch với cấu trúc vòng xoắn kép	Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. Lớp phủ SLIP-COAT, SLIP-COAT trên nền polymer Đường kính: 0.010 inch, 0.014 inch, 0.018 inch Chiều dài khả dụng: 200cm, 300cm Đầu tip: straight, round curve, angled 90.	Cái	50
47	VTTK-33	Dây dẫn can thiệp mạch não 0.008" với cấu trúc vòng xoắn kép	Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. Lớp phủ SLIP-COAT dài 180 cm. Đầu tip thuôn lại 0.008 inch. Chiều dài 200cm.	Cái	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
48	VTTK-34	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh 6F, 7F, 8F, bộ ống thông 4F, 5F, 6F không cần sheath, dài 80 - 110 cm	Đoạn phủ hydrophilic dài 5cm/15cm. Thân ống cân bằng, tăng độ cứng giúp ổn định quy trình, tối ưu hóa lực đẩy. Bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath giúp giảm kích thước tại vị trí đâm kim. Kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F (Bộ ống thông là 4F, 5F, 6F tương ứng). Đường kính trong của bộ ống thông: 1.80mm/0.071" (4Fr), 2.05mm/0.081" (5Fr), 2.28mm/0.090" (6Fr) Đường kính ngoài của bộ ống thông: 2.09mm (6Fr). 2.40mm (7Fr), 2.70mm (8Fr) Chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm. Hình dạng đầu tip: angled, straight.	Cái	100
49	VTTK-35	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh 4.2F, ID 0.043inch; phủ hydrophilic 105-115 cm	Thân ống mềm dẻo uyển chuyển với lớp phủ hydrophilic dài 105-115cm. Kích cỡ 4.2 Fr Công nghệ bện dây độc quyền chống xoắn và duy trì độ toàn vẹn lòng ống. Lòng trong ống rộng 1.1 mm (0.043inch), lớp phủ PTFE. Chiều dài khả dụng: 120, 125, 130cm. Hình dạng đầu tip: straight.	Cái	10
50	VTTK-36	Bóng nong mạch não, tiết diện đầu tip 0.016inch, tiết diện thâm nhập 0.023-0.026inch	-Bóng điều trị hẹp nội sọ hệ thống RX, chiều dài ống 160 cm, tiết diện đầu tip 0.016 inch, tiết diện thâm nhập 0.023-0.026inch. - X ray marker thuôn sát với ống. - Bóng áp lực cao đường kính 1.25 - 1.5 mm, chiều dài 10 - 20 mm, áp lực thường 10atm, áp lực vỡ bóng 18atm, có 1 marker. - Bóng áp lực thường đường kính 2.0 - 4.0 mm, chiều dài 10 - 40 mm, áp lực thường 6atm, áp lực vỡ bóng 14atm, có 2 marker. -Tương thích dây dẫn 0.014 inch	Cái	50
51	VTTK-37	Dụng cụ lấy huyết khối dạng kéo cơ học với cấu trúc vòng khép kín	- Nitinol. Thiết kế stent nitinol mở xoắn ốc dọc thân, vòng "ring" khép kín giữ độ mở và giảm hẹp khi lấy ra. - Một marker ở đoạn gần, hai marker ở đoạn xa, dây đưa vào 180cm. - Tương thích với vi ống thông ID: 0.021inch, 0.0165inch (LITE). - Đường kính stent 3-6 mm. - Chiều dài 20-50mm - Dùng cho mạch máu đường kính tối thiểu 2mm hoặc 1.5mm (LITE) hỗ trợ những ca huyết khối mạch sâu bên trong.	Cái	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
52	VTTK-38	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép Sirolimus & Anti CD34	Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34 chủ động làm lành lòng mạch. Hàm lượng thuốc: 5.0 microgram/mm. Chất liệu: thép không gỉ 316L Bề rộng stent: 90 µm. Độ dày stent: 100 µm Kích thước tối đa của mắc cáo trên stent: 4.5 mm Tiết diện (stent profile): 0.0361 inch/ 0.91 mm Lớp phủ: ái nước Hydro-X Đường kính: 2.5 - 4.0 mm. Chiều dài: 9 – 38 mm. Đường kính 2.5-2.75mm nong lên tối đa 3.25 mm Đường kính 3.0-4.0mm nong lên tối đa 4.5 mm Thử nghiệm lâm sàng trên 9600 bệnh nhân. CE chứng nhận khả năng rút ngắn thời sử dụng DAPT linh hoạt cho bệnh nhân ổn định và bệnh nhân ACS	Cái	10
53	VTTK-39	Bóng nong áp lực thường với Sub-zero tip và ống P-Tech	Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.0216 inch (Ø1 mm), 0.0306 inch (Ø3 mm) Đầu tip thuôn sát, tiết diện (tip entry profile): 0.0164 inch (Ø1 mm) Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy & chống xoắn vặn Đường kính bóng: 1 – 4 mm. Chiều dài bóng: 5 – 30 mm. Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 - 16 atm Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm. Số nếp gấp bóng: 2-3	Cái	20
54	VTTK-40	Bóng nong áp lực cao với Z-tip và đường kính thân bóng 0.0336"	Thiết kế đầu bóng Z-tip bám sát dây dẫn. Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt với tỷ lệ tăng giãn nở thấp nhất tại mỗi lần bơm bóng Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng 0.0336 inch (Ø 3.0 mm) Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Số nếp gấp bóng: 3- 5 Đường kính bóng: 1.75 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 18 mm. Áp lực thường: 12 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 18, 20 atm. Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm. Số nếp gấp bóng: 3-5	Cái	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
55	VTTK-41	Bóng nong áp lực thường với, đường kính thân bóng 0.0208 inch	Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy, chống xoắn vặn. Thiết kế đầu tip sub-zero thuôn lại dành cho tổn thương hẹp nhất. Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.0159 inch (Ø0.85 mm), 0.0164 inch (Ø3.0 mm) Chất liệu bóng: Nylon/Pebax Đường kính thân bóng nhỏ: 0.0208 inch (Ø0.85 mm), 0.0313 inch (Ø3.0 mm) Đường kính bóng: 0.85 – 4 mm. Chiều dài bóng: 5 – 30 mm. Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 atm - 16 atm Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm, 145 cm (Ø0.85 – 1.25 mm) Số nếp gấp bóng: 2-3	Cái	10
56	VTTK-42	Bóng nong áp lực cao 24 atm với đường kính thân bóng 0.0345"	Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.0345 inch (Ø3.0 mm) Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.0169 inch (Ø3.0 mm) Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt Tỷ lệ tăng trưởng theo chu vi thấp nhất lên tới 68% Tỷ lệ tăng trưởng theo chiều dài thấp nhất lên tới 83% Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Đường kính bóng: 1.5 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 26 mm. Áp lực thường: 14 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 20 - 24 atm Số nếp gấp bóng: 3-5	Cái	10
57	VTTK-43	Vi dây dẫn can thiệp mềm với cấu trúc vòng xoắn kép , tip load 0.5, 0.7 & 0.8 gf	Dây dẫn đơn lõi one-piece core/đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt. Lớp phủ: silicon hoặc SLIP-COAT. Tip load: 0.5 gf, 0.7gf, 0.8 gf. Đầu tip: straight, J. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180 cm / 165 cm (extension wire).	Cái	50
58	VTTK-44	Vi dây dẫn can thiệp CTO với cấu trúc vòng xoắn kép, tip load 0.3 - 20 gf	Dây dẫn đơn lõi one-piece core/ đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm	Cái	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
59	VTTK-45	Bộ bơm bóng	Công nghệ Selok khóa tự động và nhã áp lực đều đặn, áp kế chính xác. Áp lực tối đa 30 atm, thể tích syringe 20 ml. - Bộ bơm bóng gồm: van cầm máu, dây mở đường, torque, cổng chia, thiết bị bơm bóng, dây nối (tùy chọn).	Cái	200
60	VTTK-51	Ống thông chẩn đoán mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ;	- Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng, ngoại biên và mạch vành (Cobra I,II,III/ Vert/ Simmons I,II,III/ Yashiro/ RH/ Judkins Right/ Judkins Left/ TiG/ PIG Tail,...) - Mức độ xoay cao, duy trì hình dạng đầu tốt - Lớp ngoài và lòng trong catheter có chất liệu nhựa Pebax - Độ cản quang dưới màn hình soi huỳnh quang cao (chứa 40% BASO4) - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ (SUS) giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu - Kích thước: 4F (1.00mm); 5F (1.08mm); 6F (1.32mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI - Đa dạng chiều dài: 40cm - 150cm	Cái	50
61	VTTK-52	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao	- Bộ dụng cụ bơm bóng feather với khả năng hiển thị cao giúp đọc áp suất chính xác - Chất liệu: Polycarbonate - Thể tích: 20ml - Áp lực tối đa: 30ATM/bar with Stopcock - Kèm theo bộ chữ Y, gồm có: khoá chữ Y, dây nối, kim luồn và torque - Có 2 loại bơm bóng: loại đẩy - Feather và loại súng - Feather gun	Bộ	50
62	VTTK-53	Đầu nối chữ Y	- Đầu nối Y- Star dạng bấm và vặn, đường kính trong van 9Fr, sử dụng trong thủ thuật chụp chẩn đoán và can thiệp mạch máu với cổng nối linh động giúp gắn thêm các kết nối phụ nhằm hỗ trợ tối đa trong quá trình phẫu thuật. - Bộ kết nối chữ Y bao gồm: • Đầu nối chữ Y • Torque • Kim dài 10cm • Dây truyền với khóa luer có 03 cổng, dài 25cm. • 02 cổng nối linh động	Bộ	200
63	VTTK-54	Bộ dụng cụ hỗ trợ mở đường vào mạch máu các cỡ	Bộ dụng cụ mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi starflex, gồm 04 bộ phận: Ống nong lòng mạch máu (Dilator); Ống thông mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi (Sheath introducer), Dây dẫn nhỏ kim loại dài 45cm 0.021"/0.035" (Mini guidewire), Kim chọc dò mạch máu (18G/20G) - Các kích thước: 5 F; 6 F; 7 F; 8 F; 9 F - Chiều dài: 11 cm	Bộ	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
64	VTTK-55	Stent mạch cảnh cấu trúc Nitinol thẳng hoặc thuôn	- Cấu trúc Nitinol thẳng hoặc thuôn - Kích thước mắt lưới thay đổi: Lực ly tâm tăng lên tại nơi tổn thương và lực ly tâm giảm tại mạch lành - Thiết kế mắt lưới giảm thiểu nguy cơ bị kẹt - Mạch thẳng: Đường kính 7, 8, 9, 10 mm, chiều dài: 20, 30 mm - Mạch hai đầu không bằng nhau: 6-8, 7-9, 8-10 mm, chiều dài: 30, 40 mm - Đối với mạch thẳng: Mạch cảnh trong 5.5 đến 6.4 mm dùng size 7.0 mm; mạch 6.4 đến 7.3 mm dùng size 8.0 mm; mạch 7.3 đến 8.2 mm dùng size 9.0 mm; mạch 8.2 đến 9.1 mm dùng size 10.0 mm + Đối với mạch hai đầu không bằng nhau (tapered): Mạch đầu gần (Cảnh ngoài) 6.4 đến 7.3 mm và mạch đầu xa 4.8- 5.5 mm dùng size: 8.0-6.0 mm; Mạch đầu gần 7.3 đến 8.2 mm và mạch đầu xa 5.5- 6.4 mm dùng size: 9.0-7.0 mm; Mạch đầu gần 8.2 đến 9.1 mm và mạch đầu xa 6.4- 7.3 mm dùng size: 10.0-8.0 mm; - Tương thích dụng cụ mở đường: 6F hoặc ống thông can thiệp: 8F	Cái	50
65	VTTK-56	Lưới lọc huyết khối đoạn xa trong can thiệp mạch cảnh và ngoại biên dạng chóp nón giảm thuyên tắc mạch ở xa hiệu quả	"Lưới lọc huyết khối đoạn xa trong can thiệp mạch cảnh và ngoại biên dạng chóp nón giảm thuyên tắc mạch ở xa hiệu quả - Kích thước lỗ 120µm: Lưới lọc nylon độ khỏe cao phủ ái nước hydrophilic thiết kế tạo lỗ tưới máu 120 µm cho dòng máu chảy qua và hiệu quả cho việc bắt mảnh vụn, có kết hợp khung nitinol. - Điểm đánh dấu cản quang trên khung chỉ thị vị trí trên mạch và tình trạng bung - Phù hợp cho mạch máu: 2.5 - 7.0mm - Đường kính lưới lọc: 5.0; 7.2mm - Tương thích với nhiều kiểu thành mạch, vi dây dẫn 0,014"" có 02 kích thước 190cm và 315cm."	Cái	50
66	VTTK-57	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phế quản) và ngoại biên các cỡ	Ống thông can thiệp chẩn đoán rainbow có các hình dạng chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phổi, phế quản) và ngoại biên có nhiều dạng đầu: Simmons I, Simmons II, Simmons III, Vert, Cobra II, Cobra III, Liver, Liver RH, Mikaelsson - Mức độ xoay cao - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép - Tốc độ dòng chảy tối ưu - Độ cản quang cao - Kích thước: 4; 5; 6 F - Tương thích dây dẫn: 0.035"; 0.038" (Maximum guidewire: 0.965mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI (8.274 MPA) - Chiều dài: 70cm; 80cm; 100cm	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
67	VTTK-58	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính: 0.035", chiều dài: 45cm - 180cm.	Dây dẫn can thiệp mạch máu anguis phủ lớp ái nước hydrophilic: - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.035". - Có 05 kích thước chiều dài khác nhau: 45cm - 180cm. - Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak.	Cái	50
68	VTTK-59	Stent động mạch cảnh tự bung làm bằng nitinol nhớ hình, đường kính 6-10mm	Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng nitinol nhớ hình, độ dài ống thông có gắn stent 135cm, sử dụng dây dẫn 0.014" với catheter 6Fr Sử dụng công nghệ EX.P.R.T trong hệ thống bung stent giúp bung stent chính xác ở vị trí mong muốn. Sử dụng để mở thông hẹp động mạch cảnh ngoài sọ, dễ đẩy, cản quang tốt, có loại thẳng và thuôn đầu để lựa chọn, độ căng áp sát thành mạch tốt Điểm đánh dấu (Marker) làm bằng Tantalum, tăng khả năng hiển thị. Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapering) phù hợp với động mạch cảnh.	Cái	50
69	VTTK-60	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi có dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón đường kính lưới 3-7mm	Hệ thống hoàn toàn không ảnh hưởng tới dòng chảy trong can thiệp 'Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc (filter) 3,4,5,6,7mm, độ dài dây đẩy 190cm và 320cm. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" Chất liệu lưới lọc: Nitinol. kỹ thuật đan Full -Wall Đường kính vượt tổn thương(Crossing Profile): 3.2Fr Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten làm marker Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc, giúp lưới lọc hoàn toàn ổn định trong suốt quá trình can thiệp.	Cái	20
70	VTTK-61	Bóng nong động mạch vành Áp Lực Thường (Tất cả các size) các cỡ	_ Công nghệ 2 lớp phủ bằng sóng siêu âm Glide™ Hydrophilic bên ngoài và Fast™ bên trong cung cấp khả năng trượt mà không gây thương tổn. _Bóng 2 hoặc 3 nếp gấp & thân ống xoắn kép Spiral Cut tăng cường sự linh hoạt vào các đoạn mạch ngoằn nghoèo. _Tip profile 0.016", chiều dài đầu tip 1.5/2.0/2.5mm _Chất liệu: Property pebax _Marker: 2 marker bằng vật liệu Pt/Ir (1 marker cho bóng có đường kính từ 1.0-1.75mm). _ Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm. Chiều dài: 5mm - 30 mm. _NP: 6 atm; RBP: 14atm - Hạn dùng: 24 tháng	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
71	VTTK-62	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus (Tất cả các size)	_Stent lõi Co-Cr(L605), thành Stent mỏng 60µm nền tảng Tetrinium, thúc đẩy hình thành nội mô, giảm huyết khối. Cấu trúc LDZ-link tăng tính linh hoạt. Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm2. Polymer 3 thành phần: PLLA, PLCL, PVP tự tiêu. Tỷ lệ co lại <4% & rút ngắn 0% (3.0x 16/20mm). Hai marker Pt/Ir trên bóng. Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. _ Đường kính: 2.0-4.5 mm, dài: 8-48mm. NP: 10 atm, RBP: 16 atm _Hạn dùng 24 tháng.	Cái	20
72	VTTK-63	Bộ bơm bóng áp lực cao và bộ kết nối chữ Y	_ Dung tích: 20ml, Áp lực 30atm, 40atm _ Chất liệu Polycarbonate, chịu được áp lực tốt. _Mặt đồng hồ áp lực gập góc, phát quang, dây áp lực cao kích thước 12", áp lực lên đến 1200psi _ Bộ kết nối chữ Y dạng Push-click, có áp lực lên đến 1200 psi. _ Bộ bơm bóng gồm: kết nối chữ Y, khóa 3 chạc, dây mở rộng 25cm, dụng cụ chèn 21G, torquer 0.014"/0.035". _Hạn dùng: 36 tháng	Cái	200
73	VTTK-64	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não	- Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não - Chất liệu: đoạn xa được phủ lớp ái nước, bên trong lòng ống phủ lớp PTFE, công nghệ TrueLumen. có các loại đầu thẳng, cong 45, 90, J, có 1 và 2 marker - Kích thước: + Chiều dài: 150cm + Đường kính: đường kính 0.021inch, đường kính ngoài đoạn đầu gần xa 2.8F/2.3F	Cái	20
74	VTTK-65	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não	- Stent chặn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng - Chất liệu: các maker bằng Platinum, có đánh dấu định vị stent, thiết kế Closed Cell. - Kích thước: + Chiều dài 16mm, 23mm, 30mm, 39mm + Đường kính 4mm	Cái	1
75	VTTK-66	Dây Dẫn can Thiệp mạch máu não dài 205cm, 300cm	- Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu: thép không gỉ ,có 10cm platinum đoạn đầu xa, với lớp phủ bề mặt có độ bôi trơn cao, có các loại standard và soft. Thiết kế đoạn đầu lõi nhọn để định dạng dây. - Kích thước: + Chiều dài: 205cm, 300cm + Đường kính: 0.014inch	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
76	VTTK-67	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não tiếp cận đầu xa	- Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não - Chất liệu: Thiết kế bện kim loại và 7 phân đoạn Polymer, bên ngoài có phủ lớp ái nước, công nghệ BRITE TIP với 3 dạng đầu típ: dạng thẳng, Multipurpose C, Multipurpose D. - Kích thước: + Chiều dài: 95cm, 105cm + Đường kính: 0.071inch	Cái	20
77	VTTK-68	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não hỗ trợ bổ sung, cấu trúc 4 phân đoạn	- Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não - Chất liệu: Lớp lót bên trong phủ PTFE, cấu trúc 4 phân đoạn. Đầu xa mềm với công nghệ BRITE TIP. - Kích thước: + Chiều dài: 90cm, 100cm + Đường kính: đường kính ngoài 6F, đường kính trong 0.070 inch - Có nhiều hình dạng đầu tip để phù hợp một loạt các thủ thuật: Straight, Multipurpose C, Multipurpose D, Modified Cerebral, Headhunter 1, Headhunter 2, Simmons 2.	Cái	20
78	VTTK-84	Stent nong động mạch cảnh, các cỡ	Stent được thiết kế hai lớp: khung stent (thiết kế dạng open-cell) bằng chất liệu Nitinol nhớ hình, tự bung được phủ lớp lưới bảo vệ (thiết kế dạng closed-cell) bằng chất liệu PET kích thước siêu nhỏ giúp bảo vệ thành mạch, niêm phong mảng xơ vữa và cho phép máu lưu thông qua động mạch Cảnh ngoài. Lưới: + Kích thước sợi lưới: 20µm. + Kích thước ở trạng thái được bung rộng: 150µm - 180µm. Độ dày thanh chống: 240µm ± 12µm. Đường kính stent: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm. Chiều dài stent: 20mm, 30mm, 40mm, 60mm. Chiều dài của Catheter: 135cm. Sheath tương thích: 6F. Hệ thống dây dẫn: 0.014". Đạt chứng nhận: CFS, ISO.	Cái	30
79	VTTK-69	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Ống thông can thiệp dạng coil bằng thép không gỉ, đường kính ngoài gần-xa là ,2.4Fr-2.7Fr và 2.8Fr-2.8Fr đường kính trong 0.021" và 0.027" , chiều dài là 145 và 153cm, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.018", 0.021". Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.	Cái	40
80	VTTK-70	Ống thông hút huyết khối	Chất liệu Nitinol, thiết kế dạng coil dệt, đường kính trong rộng 0.068" và 0.071", đường kính ngoài tối đa 0.083" và 0.0855". Chiều dài 132cm. Hỗ trợ giá đỡ mạch não trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não.	Cái	40
81	VTTK-71	Stent mạch máu não dung trong hút huyết khối	Đường kính stent 4,6mm, chiều dài stent 20mm, 24mm, 40mm, dùng cho mạch đường kính 2-4mm, 2-5.5mm. tương thích vi ống thông đường kính 0.021"-0.027", số marker đầu xa 3,4, số marker đầu gần 1, khoảng cách giữa các marker là 5mm, 6mm, 10mm. Thiết kế dạng gấp cuộn. Được sử dụng để lấy huyết khối trong điều trị đột quỵ.	Cái	40

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
82	VTTK-72	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn đường kính 0.020" các cỡ	Vòng xoắn bằng platinum. lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau đường kính có: 2mm ...đến 32mm, độ dài đa dạng có: 2cm ...đến 60cm.	Cái	10
83	VTTK-73	Dụng cụ tách rời vòng xoắn 0.020"	Dụng cụ tách rời chuyên dụng cho cắt vòng xoắn đường kính 0.020".	Cái	2
84	VTTK-74	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070" .	Cái	50
85	VTTK-75	Ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 153cm.	Cái	50
86	VTTK-76	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: .072"; 0.068" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	50
87	VTTK-77	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	300

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
88	VTTK-78	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 150cm	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	300
89	VTTK-79	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 260cm	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat Hình dạng đầu: đầu cong (Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	50
90	VTTK-80	Ống thông chụp chẩn đoán mạch não có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.10mm), chiều dài 100cm	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bện đơn SUS - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 100cm	Cái	100

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
91	VTTK-81	Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ, bề mặt polyamide, đường kính 5Fr (đường kính trong 0.043"), chiều dài 100cm.	Cấu tạo: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cản quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	Cái	310
92	VTTK-82	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp với lớp đan kép thép không gỉ, đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 80cm.	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm). Chiều dài 80cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	10
93	VTTK-83	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.10mm), chiều dài 70cm, 100cm.	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bện đơn SUS - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 25cm hoặc 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm	Cái	5
94	TM-74	Bộ kết nối 3 cổng	Chất liệu polycarbonate, có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cản quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo. Bộ kết nối bao gồm: đầu nối 3 cổng, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cản quang	Bộ	900
95	TM-75	Dây nối chụp buồng thất	Chất liệu polyurethane. Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR). Dài 120cm	Cái	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
96	TM-76	Bóng nóng mạch vành loại trung-thường	Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ Hydrophilic thế hệ mới giúp bóng dễ dàng di chuyển qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO. Khẩu kính đầu xa : 0.42mm. Khẩu kính bóng : 0.63mm. Đường kính: 1.2 - 3.5mm (có loại .25 và .75). Áp lực tối đa: 14 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar. Thời gian xẹp bóng: 9.6 giây. 2 markers cản quang. Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm	Cái	150
97	TM-77	Ống thông siêu nhỏ 1 nòng	- Chất liệu: Nylon 12 copolymer và Polytetrafluoroethylene - Tráng phủ Hydrophilic bên ngoài tăng khả năng đẩy qua các tổn thương khó. - Lòng trong Catheter tráng phủ FLUORO-RESIN + gia cố với lõi dây bện dễ di chuyển guidewire. - Đa dạng về độ cứng và linh hoạt ở đầu xa, phù hợp với nhiều loại tổn thương khác nhau. - Đường kính đầu típ: 1.4Fr/ 0.46mm (Fx) -1.5Fr/ 0.49mm (Standard) - Chiều dài khả dụng Catheter: 135 - 150cm	Cái	5
98	TM-78	Ống thông siêu nhỏ 2 nòng	- Chất liệu: Polyamide resin và Polyimide - Vi ống thông có hai nòng RX và OTW hoạt động độc lập, chuyên dụng cho can thiệp tổn thương đoạn gần phân nhánh và CTO. - Lòng trong nòng: 0.42mm (0.0165") - Đầu tip thuôn siêu nhỏ 0.45mm - Tráng phủ Hydrophilic - Đầu ra nòng OTW tạo góc 5 độ với nòng RX - Hai dấu cản quang 1mm hai bên cổng ra nòng OTW - Guidewire tương thích: 0.36mm (0.014") - Chiều dài khả dụng catheter: 140cm	Cái	15
99	TM-80	Kim catheter CVC 3 nòng	Chất liệu: Polyurethane Dây dẫn 50cm x 0.035", 7F x 15-20-30cm, chất liệu nitinol với dispenser thao tác tiện lợi bằng ngón cái. Van khóa tự động ở mỗi nòng, tiết kiệm thao tác, hạn chế nhiễm trùng, bọt khí. Các nòng được phân biệt bởi màu khác nhau, hạn chế nhầm lẫn. Kỹ thuật Multi-Tube tối ưu dòng chảy ở mỗi nòng mà không phụ thuộc vào đường kính khác nhau của catheter.	Cái	50
100	TM-81	Bóng nong mạch vành áp lực cao 20-23 bar	- Chất liệu: Polyamide resin. - Tráng phủ Hydrophilic thế hệ mới - Áp lực nổ bóng cao vượt trội: 20 - 22 bar; Áp lực bơm bóng: 12 bar - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.43mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.85mm - Đường kính: 1.5 - 4.5mm (có loại .25 và .75) - Chiều dài: 8, 10, 13, 15, 20, 30mm - Thời gian xẹp bóng: 12 giây - Góc giữa hai vai bóng khi bơm căng đạt 30o - 2 markers cản quang. - Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm - Nếp gấp bóng: 2 nếp (1.5, 1.75mm); 3 nếp (≥ 2.0mm)	Cái	140

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
101	TM-82	Bóng nong mạch vành đường kính 0.75 mm	Chất liệu: Polyamide resin. - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.41mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.54mm - Tráng phủ Hydrophilic thế hệ mới TR2 giúp bóng di chuyển qua những tổn thương phức tạp đặc biệt trong CTO. - Đường kính nhỏ nhất từ 0.75 - 4.0mm (có loại .25 và .75) - Chiều dài bóng: 4, 6, 10, 15, 20, 30mm - Áp lực tối đa: 14 atm; Áp lực bơm bóng: 6 atm - Markers cản quang: 1 marker (bóng dài 4 và 6mm); 2 markers (các chiều dài khác) - Nếp gấp bóng: 3 gấp - Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm	Cái	30
102	TM-83	Stent nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus các cỡ	Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium Thiết kế stent dạng Hybrid . Phủ thuốc: Sirolimus với nồng độ 1.4µg/mm2. Polymer Proteqtor™ tương thích sinh học cao. Độ dày thanh stent: 80µm. Khẩu kính đầu tip : 0.017". Khẩu kính : 0.90mm. Áp lực tới hạn: 16 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar. Tùy chọn đường kính: Ø2.25 - 4.5mm. Tùy chọn chiều dài stent: 8, 13, 18, 23, 28, 33, 38, 43, 48mm. Hai markers cản quang định vị ở bóng. Tiêu chuẩn FDA	Cái	30
103	TM-101	Bóng nong cắt mạch vành	1. Dùng trong các trường hợp tổn thương phân nhánh, tái hẹp trong stent, mạch máu nhỏ, vôi hóa nặng, tổn thương lỗ mà bóng thông thường bị trượt hoặc không đạt được chuẩn bị tổn thương trước khi đặt stent, loại NSE 2. Nguyên liệu : Catheter RX có bóng bằng Nylon 12 loại bán đàn hồi, có áp lực khác nhau, được đánh dấu cản quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium, bao lớp siêu ái nước, gắn 3 thành tố nylong linh hoạt dọc theo bên ngoài bóng cách nhau 120o. 3. Độ dài catheter 142cm, đường kính bóng 2.0 -> 4.0mm; độ dài bóng 13mm, áp lực thường 6Atm, áp lực vỡ bóng 14Atm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	15
104	TM-102	Bóng nong mạch vành áp lực cao	1. Dùng nong chỗ hẹp động mạch vành, nong áp sát khung stent vào thành mạch sau khi đặt stent, loại Powered 3NC 2. Là một catheter có gắn bóng loại RX không đàn hồi bằng Polyamide, được đánh dấu cản quang cả hai đầu bóng bởi Platinium và Iridium , bao lớp siêu ái nước, vai bóng dạng hình chuông. 3. Độ dài catheter 143cm, đường kính ngoài trục đoạt gần 2.1F, đoạn xa 2.45/2.6F, đường kính đầu típ 0.016 inch, đường kính bóng từ 2.5 -> 4.0 mm, độ dài bóng 8,10,12,15mm, áp lực thường 12Atm, áp lực vỡ bóng 23Atm (riêng 4.5mm áp lực vỡ bóng 20Atm) 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	70

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
105	TM-103	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường	1. Dùng nong các tổn thương hẹp động mạch vành, loại LAXA 2. Nguyên liệu : Polyether block amide, Là một catheter có gắn bóng loại RX bán đàn hồi, có áp lực khác nhau, được đánh dấu cản quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium , bao lớp siêu ái nước. 3. Độ dài cathter 143cm, đường kính ngoài trục đoạt gần 2.1F, đoạn xa 2.5/2.7F, loại vai bóng thường có 2 maker, loại vai bóng thuôn có 1 maker, đường đường kính: 1.0 -> 3.5mm, độ dài 5 - 20mm. Đường kính đầu típ 0.0160 inch. Cụ thể, bóng đường kính 1.0mm có độ dài bóng 5mm , đường kính bóng: 1.3,2.0,2.5mm có độ dài bóng 10mm; Đường kính bóng: 1.5,2.0,2.5,2.75,3.0,3.5mm có độ dài bóng 12,15,20mm. Áp lực thường 6Atm, Áp lực vỡ bóng 14 Atm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	50
106	TM-104	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	1. Dùng để hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận, loại GuidePlus II ST 2. Dụng cụ gồm : một đầu típ, trục xa, trục bảo vệ gần được làm bằng dây thép 3. Độ dài ống thông145cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm, độ dài trục đoạn xa 25cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu típ, phù hợp với ống thông can thiệp 6F 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	30
107	TM-105	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng	1. Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve. 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cản quang. 3. Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp, Kích cỡ : 2-4 mm x 175cm, 4-8mm x 175cm, 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. Chiều dài catheter : 150cm và 100cm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque 6. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	2
108	TM-106	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng	1. Được thiết kế 1 vòng với gốc 90o sử dụng trong hệ thống mạch máu hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại HALO 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, vòng xoắn được mạ vàng quan sát tốt dưới huỳnh quang, đầu catheter cản quang. 3. Kích cỡ : 2mmx175/200cm, 4mmx175/200cm, 5 mm x 120cm, 7mmx175/200cm, 10mm x 65 hoặc 120cm, 15mm x 120cm, 20mm x 120cm, 25mm x 65 hoặc 120cm, 30mm x 120cm, 35mm x 120cm. Catheter : 4Fr và 6Fr. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque 6. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	2

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
109	TM-107	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch có dạng nguyên khối, có các van khóa, xoay điều chỉnh đóng mở, chịu áp lực cao và áp lực thấp, khóa xoay dạng «ON» hoặc «OFF». - Vật liệu: Polycarbonate, vật liệu chuyên dụng cho dụng cụ y tế - Thiết kế Block body - Chịu được áp lực cao 500 psi. - Đường kính trong: 0.22 – 0.29 (cm) - Đường dẫn trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy và phát hiện bọt khí. - Bộ phân phối có van một chiều ở cổng bơm thuốc cản quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo. - Đầu nối luer tương thích cổng đực/ cái, cổng xoay ON/ OFF. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA. - Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất.	Bộ	280
110	TM-108	Bơm tiêm thuốc cản quang	Bơm tiêm thuốc cản quang có Thân bơm (thân xi lanh) làm từ vật liệu Polycarbonate, Cần pít-tông làm từ nhựa Acrylonitrile-Butadien-Styrol (ABS), Vòng (Gioăng) đệm ở đầu pít-tông (đầu pít-tông) làm từ cao su silicone hoặc chất đàn hồi. - Thể tích: 10 ml - Đầu kết nối: Cố định hoặc xoay, kết nối luer 6% theo tiêu chuẩn ISO ISO 80369-7 - Màu sắc: trong suốt - Vạch chia rõ ràng và chính xác, giúp kiểm soát tốt liều lượng tiêm - Kích thước đoạn trên thân bơm tiêm có vạch chia: *Đường kính ngoài: 19 ± 0.5 mm *Đường kính trong: 16 ± 0.5 mm *Chiều dài hiệu dụng: 47 ± 0.5 mm - Bơm tiêm trong suốt, dễ dàng quan sát dung dịch bên trong - Đầu nối luer tương thích cổng đực/cái. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA. - Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất.	Cái	700

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
111	TM-109	Bóng nong mạch vành áp lực cao	1. Chất liệu: Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao. Vật liệu thân xa: Pebax/ Nylon Vật liệu thân gần: thép không gỉ phủ với lớp phủ tăng cường. Vật liệu bóng: Quadflex – Hỗn hợp Nylon đặc biệt 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính bóng từ: 2,50; 2,75; 3,00; 3,25; 3,50; 3,75; 4,00 (mm). Chiều dài bóng từ: 9, 13, 17, 21, 25, 33 (mm). Chiều dài ống thông: 138cm. Chiều dài lòng ống dây dẫn: 25 cm Lớp phủ: Lớp phủ SiLX2 cho độ trơn trượt tối ưu Kích thước: Thân gần 1,7F; thân xa 2,7F (2,50 mm – 3,25 mm), 2,8F (3,50 mm- 4,00 mm). Biên dạng đầu tip: 0,017" (tương đương 0,43mm). Đường kính tối đa của dây dẫn đường tương thích: 0,014" (tương đương 0,36mm) Đường kính ống thông dẫn đường tương thích: 5F (min ID 0,056"/1,42 mm). Các dấu cản quang trên thân gần: Các dấu cản quang cho can thiệp qua mạch đùi và mạch quay tại vị trí 80 cm & 100 cm. Số nếp gấp bóng: 3 cánh. Thời gian xẹp bóng trung bình: <7 giây với bóng 3,00 mm x21 mm Áp suất danh định: 12 bar (tương đương 12 atm). Áp suất nổ giới hạn: 2,50 mm – 3,75 mm: 20 atm; 4,00 mm: 19 atm Có tem chỉ thị nhiệt độ trên vỏ hộp. 3. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP- FDA.	Cái	70

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
112	TM-110	Bóng nong động mạch vành	1. Chất liệu:- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường. - Vật liệu thân xa: Pebax/ Nylon -Vật liệu thân gần: thép không gỉ phủ với lớp phủ trơn mượt. - Vật liệu bóng: Quadflex – Hỗn hợp Nylon đặc biệt 2. Thông số kỹ thuật:Đường kính bóng từ: 1,25; 1,50; 2,00; 2,25; 2,50; 2,75; 3,00; 3,50; 4,00; 4,50 (mm). - Chiều dài bóng từ: 9, 12, 15, 20, 30, 40 (mm). - Loại ống thông: Chuyển đổi nhanh (RX). - Chiều dài ống thông: 138cm. - Chiều dài lòng ống dây dẫn: 25 cm - Lớp phủ: SiLX2 - Kích thước: a. Thân gần: 1,25 mm – 3,00 mm x 20 mm: 1,7F; 3,00 mm x 30 mm – 4,50 mm: 1,9F b. Thân xa: 1,25 mm – 3,00 mm x 20 mm: 2,6F; 3,00 mm x 30 mm – 4,50 mm: 2,7F - Biên dạng đầu tip: 0,017" (tương đương 0,43mm). - Đường kính tối đa của dây dẫn đường tương thích: 0,014" (tương đương 0,36mm) - Đường kính ống thông dẫn đường tương thích: 5F (min ID 0,056"/1,42 mm). - Các dấu cản quang: 2 dấu cản quang Platinum/Iridium. - Số nếp gấp bóng: 1,25 mm – 1,50 mm: 2 cánh, 2,00 mm – 4,50 mm: 3 cánh - Áp suất danh định: 6 bar (tương đương 6 atm). - Áp suất nổ giới hạn: 1,25 mm – 3,00 mm: 14 atm; 3,50 mm – 4,00 mm: 16 atm; 4,50 mm: 14 atm - Đầu kết nối: Đầu kết nối được làm từ Polycarbonate, thiết kế tiện lợi với đoạn chuyển tiếp chống gập gãy. - Có tem chỉ thị nhiệt độ trên vỏ hộp. 3.Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP- FDA.	Cái	100
113	TM-111	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao thành bóng 2 lớp	Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vôi hóa nặng. Bóng có độ giãn nở về đường kính thấp nhất trong phạm vi áp lực lớn nhất so với các bóng PTCA có trên thị trường hiện nay. RBP 35 atm. Cấu trúc bóng kép (2 lớp) có độ đàn hồi tuyến tính, không gây hiện tượng dog-boning. 2 marker Platinium. Khẩu kính đầu vào sang thương 0.016". Khẩu kính băng qua sang thương 0.028". Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 6F đối với đường kính 1.5 - 3.5mm; 7F đối với đường kính 4.0, 4.5mm. Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm; dài 10, 15, 20mm.	Cái	50
114	TM-112	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chịu áp lực tới 40 atm	- Bộ bơm bóng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO. - Vật liệu làm bằng Polycarbonate, polymer. - Bơm bóng áp lực cao lên đến tối đa 40 atm - Độ chính xác của áp kế : ± 1 bar. - Thể tích 25 ml. - Kèm bộ kết nối chữ Y dạng bấm.	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
115	TM-113	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch	Làm từ chất liệu thép không gỉ 316 LVM và tương thích với môi trường MRI. Chiều dài lưới lọc: 55mm (không móc) và 59mm (có móc). Lưới lọc phù hợp với tĩnh mạch có đường kính tối đa lên tới 32 mm. Đặc tính chống ăn mòn tuyệt vời. Chiều dài khác nhau của thanh chống giảm thiểu nguy cơ đan vào nhau. Có 9 thanh chống chia làm 2 tầng: Tầng trên để neo (6 thanh chống ngắn); Tầng dưới để định tâm (3 thanh chống dài). Có 4 đường tiếp cận vào: tĩnh mạch cảnh, đùi, cánh tay, kheo. Đường kính trong của Introducer Sheath là 7F với chiều dài 600mm và 1200mm. Bộ thiết bị cấy ghép lưới lọc bao gồm: lưới lọc ALN, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong, bộ dẫn đường vào lòng mạch, ống thông đẩy), một kim chọc dò, một dây dẫn J.	Cái	2
116	TM-114	Bộ lấy/ tái định vị lưới lọc huyết khối tĩnh mạch	Làm từ thép không gỉ và không có điểm hàn. Bộ lấy lưới lọc chỉ được đưa vào từ đường tĩnh mạch cảnh. Có 3 loại hệ thống lấy lưới lọc: hệ thống tháo lưới lọc thẳng ALN, hệ thống lấy lưới lọc cong ALN, hệ thống lấy lưới lọc 2 trong 1 ALN. Kìm được thiết kế đặc biệt để chộp lấy đỉnh của lưới lọc. Đường kính trong của Introducer Sheath là 9F với chiều dài 570mm và 610mm. Một bộ lấy lưới lọc bao gồm: một catheter kẹp, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong và bộ dẫn đường vào lòng mạch), một kim chọc dò, và một dây dẫn J	Bộ	2
117	TM-115	Bóng nong mạch vành 3 nếp gấp phủ thuốc Paclitaxel	Bóng bán đàn hồi chất liệu Polyamide, có 3 nếp gấp, phủ ái nước trên bóng và thân ống thông. Thiết kế bóng mang thuốc Paclitaxel: 3.0 µg/mm² kết hợp trong lớp ái nước phủ trên bề mặt bóng và được đặt trong các cánh bóng bằng công nghệ giữ thuốc dưới cánh bóng giúp tối thiểu lượng thuốc thất thoát trước khi bơm. Tiêu chuẩn bóng thường dùng (Workhorse), tác động bọc quấn lại kết hợp gấp chặt chẽ. Đoạn Rx 25cm, thân gần 1.9F (0.64 mm) chất liệu thép không gỉ phủ PTFE, thân xa 2.7F (0.90 mm), 2 marker Platinum/Iridium. Đầu tip mềm thuôn 3mm, khẩu kính đầu vào 0.016" (0.40 mm), khẩu kính băng qua tổn thương 0.035" - 0.047". NP 6 bar. RBP 16 bar (ngoại trừ Ø 4.00 =13 bar). Thời gian xẹp bóng trung bình 3 giây, độ giãn nở ±10% tại áp lực NP và RBP. Chiều dài catheter khả dụng: 154cm. Công nghệ Kissing ống thông 6F. Đường kính bóng (mm) : 2.00, 2.50, 3.00, 3.50, 4.00 có đường kính giãn nở tại RBP lần lượt đạt: 2.31, 2.88, 3.46, 4.04, 4.43 . Độ dài bóng (mm): 10, 15, 20, 30.	Cái	40
118	TM-116	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Chất liệu stent Cobalt Chromium, độ dày khung stent 0.065mm, phủ thuốc Sirolimus, liều 1.4 µg/mm2, polymer chất liệu PMBA/PEVA tự tiêu. Thiết kế mắt cáo mở dạng Hybrid, xoắn ốc kép, sóng Sin, liên kết 3-3-3. Tiết diện cắt ngang: 0.9-1.2mm, độ co lại theo đường kính <5%, độ co ngắn <2%. Chiều dài khả dụng của hệ thống mang stent: 143cm. Bóng mang stent làm bằng Polyamid, 3 nếp gấp, phủ lớp ái nước SlickCoat. Đầu gần của bóng mang stent có đường kính 2.0F, chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. Đầu xa của bóng mang stent có đường kính 2.7F, chất liệu Polyamide, nhiều lớp. Tiết diện tại đoạn đầu (tip profile) 0.43mm, áp lực bung bóng 8atm, áp lực vỡ bóng 14-16atm. Đường kính stent: 2.25-4.0mm, chiều dài stent: 8, 12, 15, 16, 18, 23, 28, 33, 38mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	50
119	TM-117	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành chất liệu thép không gỉ. Phủ PTFE và lớp bôi trơn. Đường kính 0.032"; 0.035"; 0.038". Chiều dài 70, 150, 180cm. Đầu Straight, J, 3mm, dạng Standard, Fixed core. Có thể sản xuất kích cỡ đặc biệt theo yêu cầu. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	700
120	TM-118	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước loại dài	Lớp phủ Hydrophilic và Polymer tăng khả năng bôi trơn. Trục xa đàn hồi và được phủ lớp Lubricious mang lại khả năng tiếp cận tuyệt vời. Đầu tip 3cm linh hoạt, dễ định hướng, đầu chữ J, thẳng hoặc gập góc, dạng Regular hoặc Stiff. Đường kính 0.032", 0.035", 0.038". Chiều dài 260cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	10
121	TM-119	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước loại ngắn	Lớp phủ Hydrophilic và Polymer tăng khả năng bôi trơn. Trục xa đàn hồi và được phủ lớp Lubricious mang lại khả năng tiếp cận tuyệt vời. Đầu tip 3cm linh hoạt, dễ định hướng, đầu chữ J, thẳng hoặc gập góc, dạng Regular hoặc Stiff. Đường kính 0.032", 0.035", 0.038". Chiều dài 150, 180cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
122	TM-120	Ống thông chẩn đoán đa năng	Gồm 3 lớp với lưới kép bằng thép không gỉ bên ngoài và lớp multi polyamide bên trong giúp lòng ống lớn. Kết nối đầu gần và đầu xa bằng cách hàn lazer giúp thành ống đồng nhất và cứng hơn. Công nghệ chế tạo thành ống giúp lòng rộng để lưu lượng dòng chảy lớn. Đường kính 4F, 5F, 6F. Chiều dài 100cm. Có đầy đủ các dạng đường cong: JL, JR (loại 3.5, 4.0, 5.0); TIG/ RADIAL TIG (loại 100cm); AL, AR (loại 1.0, 2.0, 3.0); MPA, MPB, SON (loại 1.0, 2.0); IMA, TWIST, 3DRC (loại 1.0); PIG (loại 145°-155°, 100-110cm). Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	300
123	TM-121	Ống thông can thiệp mạch vành	Ống thông can thiệp mạch vành. Kích thước đường kính trong/Đường kính ngoài: 0.058"/0.068" (5F), 0.071"/0.082" (6F), 0.081"/0.094" (7F). Có đầy đủ các dạng: JL, JR, AL, AR, XBU, XBLAD (0.75, 1.0, 2.0, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, có SH hoặc không, tùy độ cong). Chiều dài 100cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	200
124	TM-122	Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Nylon	Chất liệu Nylon 12, phủ lớp Hydrosurf, lớp ái nước SlickCoat. Thiết kế dạng Rapid Exchange, vai bóng ngắn (ở đầu bóng), 2 vạch đánh dấu Platinum - Iridium. Tiết diện đầu nhỏ nhất 0.42mm, tiết diện dọc nhỏ nhất 0.66mm. Đầu xa: đường kính đầu xa 2.55F (0.85mm), chất liệu Nylon 12. Đầu gần: đường kính 2.0F (0.67mm), chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. Chiều dài hữu dụng catheter: 1400-1420mm. Áp lực thông thường 12 atm, áp lực tối đa 22 atm. Đường kính 2.0-5.0mm, chiều dài 5, 8, 10, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 40 mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	20
125	TM-123	Bóng đối xung động mạch chủ	" - Giảm kích cỡ mặt cắt ngang của catheter đi 12% so với catheter cỡ 8 Fr - Kích cỡ catheter nhỏ hơn giúp tăng dòng máu chảy đến các chi xa - Giảm thiểu kích thước của vết mở động mạch - Giảm lực đặt catheter đi 43% so với các catheter khác - Chất liệu: o Cả catheter và bộ dụng cụ đi kèm không chứa cao su (latex) - Đóng gói một lớp (Single pouch), có lớp xé ở góc (Corner peel) - Chỉ dùng một lần - Thời gian sử dụng 3 năm kể từ ngày đóng gói tiệt trùng - Bảo quản ở nhiệt độ 25°C - Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường (Guidewire), bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chích, khóa Stopcock ba ngõ (Three – way Stopcock) - Đường kính catheter 7.5Fr - Có ba kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân: o Loại 40cc dùng cho người có chiều cao từ 162cm - 183cm o Loại 34cc dùng cho người có chiều cao từ 152cm - 162cm o Loại 25cc dùng cho người có chiều cao < 152cm"	Cái	20
Tổng 125 mặt hàng					

Tên, địa chỉ thông tin liên hệ của nhà cung cấp……

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Cà Mau

Đơn vị tính là Việt Nam Đồng (VND)

STT	MÃ VT	Danh mục hàng hoá	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền
1														
2														
Tổng														

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày …..

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Thông tin Nhà cung cấp bổ sung ….

…., ngày.... tháng....năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Danh mục hàng hoá, mã VT, đơn vị tính, số lượng: Nhà cung cấp điền theo cột tương ứng trong Yêu cầu báo giá

Các cột còn lại Nhà cung cấp tự báo giá theo mặt hàng mà mình tham dự

Đơn giá đã bao gồm Thuế VAT, chi phí vận chuyển, cung cấp hàng hoá đến địa điểm giao hàng Chủ Đầu tư yêu cầu